

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1029~~/UBND-KGVX
V/v báo cáo tiến độ triển khai
thực hiện; kết quả giải ngân
vốn và những khó khăn,
vướng mắc trong thực hiện
03 Chương trình mục tiêu
quốc gia

Quảng Ngãi, ngày ~~29~~ tháng 02 năm 2024

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy ban Dân tộc.

Thực hiện Công văn số 1314/BKHĐT-TCTT ngày 23/02/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tiến độ triển khai thực hiện và kết quả giải ngân vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia gồm: (1) *Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới*; (2) *Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững*; (3) *Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*, cụ thể như sau:

I. Tình hình phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch vốn đầu tư công và tiến độ triển khai thực hiện, giải ngân đến hết tháng 02/2024

1. Tình hình triển khai thực hiện và giải ngân vốn năm 2023

a) Vốn đầu tư công

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 của 03 Chương trình là 878,454 tỷ đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 681,351 tỷ đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 197,103 tỷ đồng; giải ngân đạt 787,531 tỷ đồng (đạt 90%) gồm ngân sách Trung ương là 612,672 tỷ đồng (đạt 89,9%), ngân sách địa phương là 174,859 tỷ đồng (đạt 88,7%), trong đó:

a1) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tổng kế hoạch vốn được giao là 238,327 tỷ đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 100,97 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 137,357 tỷ đồng; giải ngân đạt 223,38 tỷ đồng (đạt 93,7%) gồm ngân sách Trung ương là 99,209 tỷ đồng (đạt 98,2%), ngân sách địa phương là 124,171 tỷ đồng (đạt 90,4%).

- Vốn giao năm 2023 là **210,97 tỷ đồng**, trong đó ngân sách trung ương 100,97 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 110,0 tỷ đồng. Giải ngân đạt 198,252 tỷ đồng (đạt 94%) gồm ngân sách Trung ương là 99,209 tỷ đồng (đạt 98,3%), ngân sách địa phương là 99,043 tỷ đồng (đạt 90%).

- Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là: 27,357 tỷ đồng, nguồn ngân sách địa phương; giải ngân đạt 25,128 tỷ đồng (đạt 92%).

a2) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Tổng kế hoạch vốn được giao là **222,598 tỷ đồng**, trong đó ngân sách Trung ương 203,195 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 19,403 tỷ đồng; giải ngân đạt 213,097 tỷ đồng (đạt 95,7%) gồm ngân sách Trung ương là 203,195 tỷ đồng (đạt 95,3%), ngân sách địa phương là 19,355 tỷ đồng (đạt 99,8%), bao gồm:

- Vốn giao năm 2023 là 113,679 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương là 113,482 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 12,562 tỷ đồng. Giải ngân đạt 124,208 tỷ đồng (đạt 98,4%), gồm ngân sách Trung ương là 111,694 tỷ đồng (đạt 98,3%), ngân sách địa phương là 12,514 tỷ đồng (đạt 99,6%).

- Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là: 96,357 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách trung ương 89,516 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 6,841 tỷ đồng. Giải ngân đạt 88,88 tỷ đồng (đạt 92,2%), gồm: ngân sách Trung ương là 82,048 tỷ đồng (đạt 91,6%), ngân sách địa phương là 6,841 tỷ đồng (đạt 100%).

a3) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Tổng kế hoạch vốn được giao là **417,529 tỷ đồng**, trong đó ngân sách Trung ương 377,186 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 40,343 tỷ đồng; giải ngân đạt 351,054 tỷ đồng (đạt 84%) gồm ngân sách Trung ương là 319,721 tỷ đồng (đạt 84,7%), ngân sách địa phương là 31,333 tỷ đồng (đạt 77,7%), bao gồm:

- Vốn giao năm 2023 là 311,221 tỷ đồng, trong đó, ngân sách Trung ương 282,724 tỷ đồng, ngân sách địa phương 28,497 tỷ đồng. Giải ngân đạt 261,084 tỷ đồng (đạt 84%) gồm ngân sách Trung ương là 239,821 tỷ đồng (đạt 85%), ngân sách địa phương là 21,263 tỷ đồng (đạt 75%).

- Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là 106,308 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương 94,462 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 11,846 tỷ đồng. Giải ngân đạt 89,9 tỷ đồng (đạt 85%), gồm ngân sách Trung ương là 79,9 tỷ đồng (đạt 85%), ngân sách địa phương là 10,07 tỷ đồng (đạt 85%).

b) Vốn sự nghiệp

Tổng vốn sự nghiệp năm 2023 của 03 Chương trình MTQG là 846,111 tỷ đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 703,33 tỷ đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 142,778 tỷ đồng. Tổng giá trị giải ngân đạt 357,123 tỷ đồng (đạt 42,2% kế hoạch), trong đó ngân sách Trung ương là 277,358 tỷ đồng (đạt 39,4%), ngân sách địa phương là 79,765 tỷ đồng (đạt 55,9%).

b1) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Tổng kế hoạch vốn giao là 109,962 tỷ đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 45,443 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 64,519 tỷ đồng. Giải ngân đạt 78,209 tỷ đồng (đạt 71,1%), cụ thể:

- Vốn giao năm 2023 là 82,194 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương 31,655 tỷ đồng, ngân sách địa phương 50,539 tỷ đồng. Giải ngân đạt 57,735 tỷ đồng (đạt 70%), trong đó ngân sách Trung ương là 17,977 tỷ đồng (đạt 56,8%), ngân sách địa phương là 39,758 tỷ đồng (đạt 78,3%).

- Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là: 27,768 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương 13,788 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 13,980 tỷ đồng. Giải ngân đạt 20,474 tỷ đồng (đạt 73%), trong đó ngân sách Trung ương là 9,427 tỷ đồng (đạt 68,4%), ngân sách địa phương là 11,047 tỷ đồng (đạt 79%).

b2) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- Vốn giao năm 2023 là: 194,411 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương 175,373 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 19,038 tỷ đồng. Giải ngân đạt 112,735 tỷ đồng (đạt 58%), gồm ngân sách Trung ương là 102,627 tỷ đồng (đạt 58,5%), ngân sách địa phương là 10,108 tỷ đồng (đạt 53,1%).

- Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là 53,225 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương 47,191 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 6,034 tỷ đồng. Giải ngân đạt 25,629 triệu đồng (đạt 48,2%), gồm ngân sách Trung ương là 22,837 tỷ đồng (đạt 48,4%), ngân sách địa phương là 2,792 tỷ đồng (đạt 46,2%).

b3) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Vốn giao năm 2023 là 399,680 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương 359,565 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 40,115 tỷ đồng. Giải ngân vốn năm 2023 đạt 111,574 tỷ đồng (đạt 27,9%), gồm ngân sách Trung ương là 101,453 tỷ đồng (đạt 28,2%), ngân sách địa phương là 10,121 tỷ đồng (đạt 25,2%).

- Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là: 88,833 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương 75,761 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 13,071 tỷ

đồng. Giải ngân đạt 28,977 tỷ đồng (đạt 32,6%), trong đó ngân sách Trung ương là 23.038 tỷ đồng (đạt 30,4%), ngân sách địa phương là 5,939 tỷ đồng (đạt 45,4%).

2. Tình hình triển khai thực hiện và giải ngân vốn năm 2024

a) Vốn đầu tư công

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 được giao¹ của 03 Chương trình là 878,354 tỷ đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 681,351 tỷ đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 197,003 tỷ đồng; hiện các địa phương đang hoàn thiện các thủ tục đầu tư các dự án nên chưa giải ngân, trong đó:

a1) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tổng kế hoạch vốn là 410,38 tỷ đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 100,38 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 310 tỷ đồng. Trong đó đã giao 185,28 tỷ đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 100,38 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 84,9 tỷ đồng.

a2) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Tổng kế hoạch vốn giao là 150,080 tỷ đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 135,537 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 14,543 tỷ đồng.

a3) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tổng kế hoạch vốn là 328,524 tỷ đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 298,367 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 30,157 tỷ đồng. Kế hoạch vốn đã giao là 323,640 tỷ đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 294,635 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 29,005 tỷ đồng.

b) Vốn sự nghiệp

b1) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tổng kế hoạch vốn là 68,258 tỷ đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 30,208 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 38,320 tỷ đồng, được giao tại Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 01/2/2024 của UBND tỉnh.

b2) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Tổng kế hoạch vốn giao là 235,119 tỷ đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 212,905 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 22,214 tỷ đồng, được giao tại Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh.

b3) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào

¹ Vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được giao tại Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 19/12/2023; Vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được giao tại Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 21/12/2023; Vốn Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững được giao tại Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh.

dân tộc thiểu số và miền núi: UBND tỉnh đang trình HĐND tỉnh giao kế hoạch vốn.

Hiện nay các đơn vị đang khẩn trương triển khai thực hiện các thủ tục giải ngân.

3. Đánh giá tình hình phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn

Ngay từ đầu năm 2023, 2024, UBND tỉnh đã ban hành các Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 19/01/2023; 03/CT-UBND ngày 23/01/2024 về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh; đồng thời, phê duyệt kế hoạch thực hiện năm 2023, 2024 của từng chương trình MTQG. Qua đó, các Sở ngành, địa phương tập trung thực hiện nhằm hoàn thành kế hoạch thực hiện của 03 Chương trình MTQG, góp phần hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, tỷ lệ giải ngân vốn sự nghiệp của các Chương trình còn thấp. Nguyên nhân do một số khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách chưa được Trung ương hướng dẫn cụ thể, dẫn đến lúng túng trong việc triển khai thực hiện.

II. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 và các quy định về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia có liên quan; khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp triển khai thực hiện

1. Việc triển khai Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội

Ngay sau khi Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội được ban hành, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã kịp thời quán triệt, chỉ đạo các cơ quan đơn vị địa phương chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết được hiệu quả và đảm bảo đúng quy định.

Theo đó, qua rà soát và báo cáo của cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, việc triển khai "*cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024-2025*" (theo quy định tại Khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15) có thể phát sinh những bất cập, dự kiến sẽ làm chậm tiến độ thực hiện các Chương trình trên địa bàn các huyện thí điểm, phân bổ vốn có khả năng không đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách của chương trình và thay đổi cơ cấu vốn đã được cấp thẩm quyền quyết định (*theo như nội dung Chính phủ đã đánh giá và dự lường tại Tờ trình số 13/TTr-CP ngày 12/01/2024 của Chính phủ*). Do đó, để đảm bảo thực hiện hiệu quả, đúng quy định và phù hợp với thực tiễn tại tỉnh, UBND tỉnh đã giao các cơ quan chủ trì quản lý 03 Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh tiếp tục rà soát để đề xuất, tham mưu cấp thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

2. Những khó khăn, vướng mắc

Việc ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 dẫn đến có nhiều quy định của địa phương đã xây dựng, ban hành phải sửa đổi và có nhiều nội dung thay đổi so với quy định cũ nên tốn nhiều thời gian.

a) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

(1) Nguồn lực Trung ương bố trí cho Chương trình vẫn chưa đáp ứng nhu cầu của địa phương. Tỷ lệ nguồn vốn ngân sách Trung ương bố trí giai đoạn 2021-2025 so với giai đoạn 2016-2020 rất thấp, chỉ đạt 38% (=559.876/1.474.400 triệu đồng).

Trong các xã đạt chuẩn NTM đến năm 2025, phần lớn thuộc các xã đặt biệt khó khăn (24 xã), các xã này có địa bàn rộng, mật độ dân cư thưa thớt và phân bố rải rác, rất khó khăn trong đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi... Người dân chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao nên việc huy động nguồn lực đối ứng để thực hiện Chương trình gặp khó khăn, chủ yếu dựa vào sự đầu tư, hỗ trợ từ Nhà nước. Vì vậy, quan điểm của tỉnh là tập trung nguồn vốn đối ứng của tỉnh để bố trí cho các xã miền núi nhằm đạt chuẩn nông thôn mới nhưng vướng quy định của Trung ương không được chồng chéo, trùng lặp địa bàn, phạm vi, đối tượng đầu tư với 02 Chương trình MTQG còn lại.

(2) Về phương án phân bổ và cơ chế đầu tư cho các huyện trắng xã nông thôn mới (huyện Sơn Tây): Đây là huyện nghèo thuộc diện đầu tư của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; đồng thời, các xã thuộc huyện này đều là xã đặc biệt khó khăn (khu vực III), thuộc địa bàn đầu tư của Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn của Trung ương về phương án phân bổ và cơ chế đầu tư đối với huyện trắng xã nông thôn mới.

(3) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới với 19 tiêu chí, 57 chỉ tiêu (tăng 8 chỉ tiêu so với giai đoạn 2016-2020) yêu cầu đạt chuẩn ở mức độ cao hơn; một số tiêu chí khó đạt như: Tiêu chí số 10 thu nhập bình quân đầu người năm 2023 (quy định chỉ tiêu đạt chuẩn: 42 triệu đồng/người/năm ở xã đặc biệt khó khăn, 47 triệu đồng/người/năm đối với xã còn lại); Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều: Tỷ lệ nghèo đa chiều (tổng tỷ lệ hộ nghèo đa chiều và tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều với tiêu chuẩn <13%). Chỉ tiêu 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi ($\leq 24\%$ đối với xã đặc biệt khó khăn, $\leq 22\%$ đối với các xã còn lại),...

(4) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 với 19 tiêu chí 75 chỉ tiêu; trong quá trình thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu

chí tại các địa phương một số chỉ tiêu các sở, ngành đánh giá chưa đảm bảo như: Tiêu chí số 15 về Hành chính công, trong đó: Chỉ tiêu 15.1 (*Có ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính*); chỉ tiêu 15.3 (*Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp*). Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật, trong đó: Chỉ tiêu 16.1 (*Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận*) và chỉ tiêu 16.2 (*Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành*). Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống, trong đó chỉ tiêu 18.1 (*Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung*),...

b) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Tiểu dự án 1, Dự án 3 của Chương trình: Theo điểm c, khoản 1, Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023, cụ thể: điều kiện hỗ trợ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng yêu cầu "*Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận*". Tuy nhiên, đối tượng tại Tiểu dự án 1, Dự án 3 của Chương trình là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Trong thực tế các thành viên trong hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo khó chọn lựa, xác định người làm kinh tế giỏi trong các nhóm hộ này, đặc biệt ở các huyện miền núi.

c) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

(1) *Đối với tiểu dự án 2, dự án 3*: Tại điểm a khoản 5 Điều 14 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi và mức chi hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 171/2014/TT-BTC, Thông tư số 11/2019/TT-BCT, Thông tư số 40/2020/TT-BCT và quy định tại Điều 4 Thông tư này. Tuy nhiên, qua rà soát các nội dung tại các Thông tư này không quy định nội dung chi và mức chi về xúc tiến, thu hút đầu tư nên khó khăn trong việc thực hiện.

(2) *Đối với nội dung số 02, tiểu dự án 2, dự án 5*: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: Đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo đại học theo học rất đa dạng ngành nghề và địa bàn học tập rộng khắp cả nước nên rất khó khăn trong việc ký hợp đồng các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học.

(3) *Đối với tiểu dự án 4, dự án 5*: Ủy ban Dân tộc đã ban hành 24 bộ tài liệu tại Quyết định số 951/QĐ-UBDT ngày 08/12/2023 (đợt I: 16 chuyên đề) và Quyết định số 86/QĐ-UBDT ngày 20/02/2024 (đợt II: 08 chuyên đề) của

Bộ tài liệu đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng và cán bộ triển khai thực hiện chương trình ở các cấp thuộc Tiểu dự án 4, Dự án 5 Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

(4) *Tiểu dự án 1, dự án 9*: Trung ương chưa hướng dẫn cơ chế “Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt” và ngày 21/6/2023, Ủy ban Dân tộc đã có Công văn số 1017/UBNDT-DTTS chỉ đạo tạm dừng thực hiện nội dung này.

(5) *Đối với nội dung 1, tiểu dự án 1, dự án 10*

- Đối tượng quy định tại khoản 32 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBNDT là tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong thực hiện Chương trình để xây dựng mô hình điển hình tiên tiến; tuy nhiên, đối tượng quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg là các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế của đất nước nên khó khăn trong việc xác định đối tượng để xây dựng, triển khai thực hiện và nhân rộng mô hình điển hình tiên tiến.

- Nội dung các hoạt động biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS&MN tại khoản 32 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBNDT không quy định “tặng quà” cho các điển hình tiên tiến; tuy nhiên, phần tổ chức thực hiện có nội dung “tặng quà” cho các điển hình tiên tiến của địa phương; đồng thời, Điều 46 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính không quy định mức quà tặng nên không có cơ sở để thực hiện.

- Tại tiết b điểm 3 khoản 32 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBNDT quy định: “Định kỳ 2 năm/lần tổ chức hội nghị biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với các điển hình tiên tiến trên địa bàn tỉnh và huyện” nhưng không quy định đối tượng cụ thể là các điển hình tiên tiến trong các mô hình được xây dựng tại khoản 2 Điều 64 Thông tư số 02/2023/TT-UBNDT hay điển hình tiên tiến là “Già làng, trưởng bản, người có uy tín, cán bộ cốt cán; nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, học sinh, sinh viên, thanh niên tiêu biểu người dân tộc thiểu số và các đối tượng khác trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

(6) *Đối với tiểu dự án 2, dự án 10*: Nội dung thực hiện được quy định Quyết định số 330/QĐ-UBNDT ngày 12/5/2023 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt “đề án chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào

dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025” và Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiêu dự án 1 và Tiêu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình và Công văn số 523/LMHTXVN-KHHT ngày 27/7/2022 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về việc triển khai nhiệm vụ hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thì hầu hết các nội dung thực hiện đều sử dụng vốn sự nghiệp, rất khó sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện. Ủy ban Dân tộc chưa ban hành hướng dẫn về chuẩn kết nối đầu cuối của phòng họp trực tuyến nên địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện.

(7) Đối với tiêu dự án 3, dự án 10: Ủy ban Dân tộc chưa đưa vào vận hành và tổ chức tập huấn về hệ thống thông tin quản lý, báo cáo số liệu ứng dụng các giải pháp số hóa của Chương trình theo Điều 7, Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 nên địa phương không thể tổ chức thực hiện.

3. Kiến nghị, đề xuất

(1) Đến thời điểm hiện tại, Trung ương đã ban hành tương đối đầy đủ văn bản thể chế hóa các cơ chế, chính sách của các Chương trình. Các Bộ, ngành Trung ương đã có văn bản hướng dẫn địa phương tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc trong tổ chức quản lý, triển khai thực hiện Chương trình như đã nêu. Do đó, UBND tỉnh đã có Công văn số 428/UBND-KGVX ngày 23/01/2024 về việc tháo gỡ vướng mắc trong việc thực hiện 03 Chương trình MTQG, gửi Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và các Bộ, ngành có liên quan (có văn bản kèm theo).

Kính đề nghị Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm, tháo gỡ, giải quyết để việc triển khai thực hiện Chương trình trong giai đoạn tới được thuận lợi, thông suốt.

(2) Để có đầy đủ thông tin và cơ sở chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi tham vấn ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với nội dung liên quan, cụ thể như sau:

- Tại Điểm a Khoản 7 Điều 4 của Nghị quyết số 111/2024/QH15 có nêu: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định lựa chọn không quá 02 huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp...*”, hay tỉnh bắt buộc phải thực hiện.

- UBND tỉnh Quảng Ngãi đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm ban

hành văn bản hướng dẫn để các địa phương triển khai cơ chế này đảm bảo đúng quy định, hiệu quả, thống nhất và đồng bộ.

Trên đây là báo cáo tiên độ triển khai thực hiện và kết quả giải ngân vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Kính báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia và các Bộ, ngành Trung ương xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, KTN, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{VHTin67}.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Phiên